

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Xây dựng, khớp nối đường giao thông khu chức năng đô thị Tây Tựu quận Bắc Từ Liêm

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND quận Bắc Từ Liêm)

I. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, SỞ HỮU TÀI SẢN BỊ THU HỒI:

- Họ và tên người sử dụng đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật):

Hộ gia đình ông Đặng Trần Bình

- Hộ khẩu thường trú:

Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm

- Họ và tên chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật):

Hộ gia đình ông Đặng Trần Bình

- Hộ khẩu thường trú:

Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm

- Tổng số nhân khẩu hiện tại:

8 Khẩu

(Trong đó: 2 khẩu đủ điều kiện hỗ trợ và 6 khẩu không đủ điều kiện hỗ trợ)

- Tổng diện tích đất đang sử dụng:

689,3 m²;

Trong đó:

+ Diện tích đất trong chi giới thu hồi tại dự án:

305,3 m²;

Trong đó:

++ Đất nông nghiệp được giao theo NĐ 64/CP:

286,3 m²; (đã cấp GCN)

++ Đất nông nghiệp sử dụng trước 01/07/2004:

0,0 m²;

++ Đất nông nghiệp nằm trong diện tích được giao theo PA chưa được cấp GCN, không nằm trong danh sách đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý

19,0 m²;

+ Diện tích đất ngoài chi giới thu hồi tại dự án:

384,0 m²;

* Tỷ lệ % diện tích đất nông nghiệp 64/CP bị thu hồi tại dự án trên tổng diện tích đất nông nghiệp được giao theo 64/CP:

44,30%

II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

1. Bồi thường, hỗ trợ về đất.

STT	Loại đất bồi thường, hỗ trợ	Diện tích (m2)	Đơn giá (đồng/m2)	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Đất nông nghiệp nằm trong diện tích được giao theo PA chưa được cấp GCN, không nằm trong danh sách đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý	19,0	201.600	100%	3.830.400	
2	Đất nông nghiệp được giao theo NĐ 64/CP	286,3	201.600	100%	57.718.080	
Tổng tiền (A):					61.548.480	

2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, công trình gắn liền với đất thu hồi:

2.1. Bồi thường đối với nhà ở, công trình xây dựng hợp pháp theo quy định tại Điều 31, Điều 32 NĐ 43/2014/NĐ-CP: Không

2.2. Hỗ trợ đối với nhà, công trình xây dựng không hợp pháp theo quy định tại Điều 31, Điều 32 NĐ 43/2014/NĐ-CP:

Không

STT	Tên tài sản (loại nhà, công trình, quy cách...)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Giá trị xây mới	Thời gian khấu hao (năm)	Thời gian đã qua sử dụng (năm)	Giá trị hiện có	Mức bồi thường	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Giàn lưới nilong đen 50 cọc tre trên toàn bộ diện tích đất thu hồi	m2	305	10.000	3.053.000	8	7-8		60%	10%	183.180	

2	Cột bê tông 15 cọc, 10x10cm, cao 2,5m	1	1	4.206.000	4.206.000	8	'7-8		60%	10%	252.360	
Tổng tiền (B):											435.540	

2.3. Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, vật nuôi gắn liền với đất thu hồi.

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Mật độ	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Hoa ly có mật độ 26 cây/m2 trồng trên toàn bộ diện tích đất thu hồi	cây	6106	21.000	≤20 cây/m2	100%	128.226.000	
2	Hoa ly có mật độ 26 cây/m2 trồng trên toàn bộ diện tích đất thu hồi	cây	1832	21.000	≤20 cây/m2	50%	19.236.000	
Tổng tiền (B):							147.462.000	

3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác

Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác		Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
STT	1	2	3	4	5	6 = 3x4x5	7
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp (bảng 5 lần giá đất nông nghiệp): 201.600đ/m2 * 5 lần = 1.008.000đ/m2.	m2	305,3	1.008.000	100%	307.742.400	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (30kg x 06 tháng x 16.000đ/kg = 2.880.000đ/ khẩu nông nghiệp)	Khẩu	2,0	2.880.000	100%	5.760.000	Tỷ lệ thu hồi đất 44,3%
3	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 3.000đ/m2 nhưng tối đa không quá 3.000.000đ/chủ sử dụng đất	m2	305,3	3.000		0	Sẽ được phê duyệt sau khi người sử dụng đất đủ điều kiện nhận tiền và bàn giao diện tích đất thu hồi theo đúng thời hạn quy định.
Tổng tiền: (C)						313.502.400	

4. Các khoản khấu trừ nghĩa vụ tài chính về đất đai PHẢI NỘP (theo K1 Đ30 ND 47/2014/ND-CP) (nếu có): Không

5. Phương án tái định cư:

5.1. Phương án mua căn hộ chung cư tái định cư: Không

5.2. Phương án hỗ trợ tự lo tái định cư: Không

III. Tổng số tiền BT, HT và TĐC: (A)+(B)+(C)+

522.948.420 đồng

IV. Tổng các khoản khấu trừ phải nộp ngân sách:

0 đồng

V. Tổng tiền BT, HT và TĐC sau cân đối: (III)-(IV)

(- Nếu (V)>0 thì được nhận số tiền sau cân đối;

522.948.420 đồng

- Nếu (V)<0 thì phải nộp bổ sung số tiền sau cân đối)

Bằng chữ: Năm trăm hai mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn, bốn trăm hai mươi đồng

Bắc Từ Liêm, ngày tháng năm 2024

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Ngọc Vân

